

Bản án số: 23/2020/KDTM-ST

Ngày: 15-9-2020

*Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Khánh;

Bà Phạm Hồ Quỳnh Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng: Bà Trần Lê Phụng-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2020/TLST-KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Thép và đầu tư T. Địa chỉ: đường T, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1979. Chức vụ: Kế toán trưởng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần L. Địa chỉ: đường D, phường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Sỹ, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần Thép và đầu tư T (sau đây gọi tắt là Công ty T), bảng trình bày, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị L trình bày:

Vào ngày 27/5/2019, giữa nguyên đơn và Công ty Cổ phần L có ký kết hợp đồng kinh tế số 29/HĐKT/TS-LVP-2019, cụ thể: công ty L mua xi măng của công ty T giá trị bằng tiền là 225.450.000đồng theo biên bản giao nhận hàng hóa và hóa đơn giá trị gia tăng mà hai bên đã xác nhận.

Theo hợp đồng mua bán thì công ty L vi phạm điều 2 về phương thức thanh toán, cụ thể theo hợp đồng quy định, giá trị hàng hóa được thanh toán trước hoặc trong vòng 03 đến 05 ngày kể từ ngày nhận hàng hóa. Nếu quá hạn thanh toán thì ngoài việc phải thanh toán đủ các khoản nợ quá hạn còn phải chịu thanh toán số tiền lãi chậm trả theo lãi suất vay tối đa của ngân hàng thương mại nói chung. Công ty cổ phần L đã nhận xi măng của công ty T tính đến nay đã gần một năm và bên công ty L chỉ mới thanh toán số tiền là 130.000.000đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 95.450.000đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 20/5/2020 là 14.675.721đồng. Do đó, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc Công ty Cổ phần L thanh toán cho Công ty Cổ phần Thép và đầu tư T số tiền nợ là 111.433.556 đồng, trong đó, số tiền gốc chưa thanh toán là 95.450.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 24/6/2020 là 15.983.556 đồng theo lãi suất 12%/năm.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 40.000.000đồng và cam kết trả dứt điểm vào ngày 10/9/2020 nhưng đến nay chưa thanh toán.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty L có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T khoản nợ gốc và lãi tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 73.409.775 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 55.450.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/9/2020 là 17.959.775.

Trong suốt quá trình Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù Công ty L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án bao gồm: Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần), Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Tuy nhiên, công ty L đều vắng mặt không rõ lý do. Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ, đề nghị TAND thành phố Pleiku tiến hành triệu tập, lấy lời khai đối với bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác, không chấp hành Giấy triệu tập của TAND thành phố Pleiku nên việc ủy thác thu thập chứng cứ không thực hiện được.

* Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn đã vi phạm quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 29/HĐKT/TS-LVP-2019. HĐXX xét thấy đây là tranh chấp giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa.

[1.2] Về thẩm quyền: Theo hợp đồng kinh tế số 29/HĐKT/TS-LVP-2019, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận về Tòa án nơi giải quyết tranh chấp là Tòa án có thẩm quyền tại thành phố Đà Nẵng. Việc các bên thỏa thuận chọn Tòa án nơi nguyên đơn có trụ sở là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.3] Bị đơn Công ty L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu buộc Công ty L thanh toán số tiền 73.409.775 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 55.450.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/9/2020 là 17.959.775 theo lãi suất 12%/năm.

[2.1] Đối với số tiền nợ gốc

Vào ngày 27/5/2019, giữa Công ty T và Công ty L có ký kết hợp đồng kinh tế số 29/HĐKT/TS-LVP-2019, cụ thể: công ty L mua xi măng của công ty T giá trị bằng tiền là 225.450.000 đồng theo biên bản giao nhận hàng hóa và hóa đơn giá trị gia tăng mà hai bên đã xác nhận.

Việc các bên ký kết Hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên mà các bên đã giao kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thực hiện đúng các cam kết theo hợp đồng đã ký kết. Công ty L đã nhận đủ hàng và xác nhận phải thanh toán cho công ty T số tiền 225.450.000 đồng theo biên bản giao nhận hàng hóa và hóa đơn giá trị gia tăng mà hai bên đã xác nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ngày 25/8/2020, Công ty L có văn bản cam kết trả dứt điểm vào ngày 10/9/2020 nhưng đến nay chưa thanh toán.

Điều 2 của Hợp đồng về phương thức thanh toán quy định, “giá trị hàng hóa được thanh toán trước hoặc trong vòng 03 đến 05 ngày kể từ ngày nhận hàng hóa”. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ của bên mua quy định tại Điều 50, 55 của Luật Thương mại, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty L thanh toán số tiền hàng còn nợ 55.450.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi chậm thanh toán:

Tại Đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa hôm nay, đại diện Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất 12%/năm trên số nợ gốc. Điều 2 Hợp đồng giữa các bên quy định: “...Nếu quá hạn thanh toán thì ngoài việc phải thanh toán đủ các khoản nợ quá hạn còn phải chịu thanh toán số tiền lãi chậm trả theo lãi suất vay tối đa của ngân hàng thương mại nói chung”. Như vậy, yêu cầu tính lãi chậm trả đã được các bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng. Do bị đơn chậm thanh toán tiền hàng nên cần buộc bị đơn chịu tiền lãi chậm trả là có cơ sở.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005 và Án lệ số: 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, Tòa án đã tiến hành thu thập lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (14,25%), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (15%) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương (11,7%), qua đó xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là: 13,65%. Do yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấp hơn mức lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán tiền lãi theo lãi suất 12% tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 17.959.775đ.

Từ phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Thép và đầu tư T, buộc Công ty L thanh toán số tiền 73.409.775 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 55.450.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/9/2020 là 17.959.775 theo lãi suất 12%/năm.

[3] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ 40.000.000đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện và không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ 40.000.000đồng.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là cơ sở phù hợp với nhận định trên của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Công ty Cổ phần Thép và đầu tư T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 30, 35, 40, 91, 147, 244, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 24, Điều 50, 55 và Điều 306 Luật Thương mại; Án lệ số 09/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/ 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Thép và đầu tư T đối với Công ty Cổ phần L về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Buộc Công ty Cổ phần L phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Thép và đầu tư T số tiền là 73.409.775 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 55.450.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/9/2020 là 17.959.775 theo lãi suất 12%/năm.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Thép và đầu tư T có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Cổ Phần L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Công ty Cổ Phần L phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần Thép và đầu tư T buộc Công ty Cổ Phần L thanh toán số tiền nợ là 40.000.000đồng.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần L phải chịu 3.670.488 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty Cổ phần Thép và đầu tư T được hoàn trả 3.253.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001148 ngày 04/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hưng